

Adoniram Judson

Thật quá ít người chết vì chịu khổ!

JOHN PIPER

ADONIRAM JUDSON

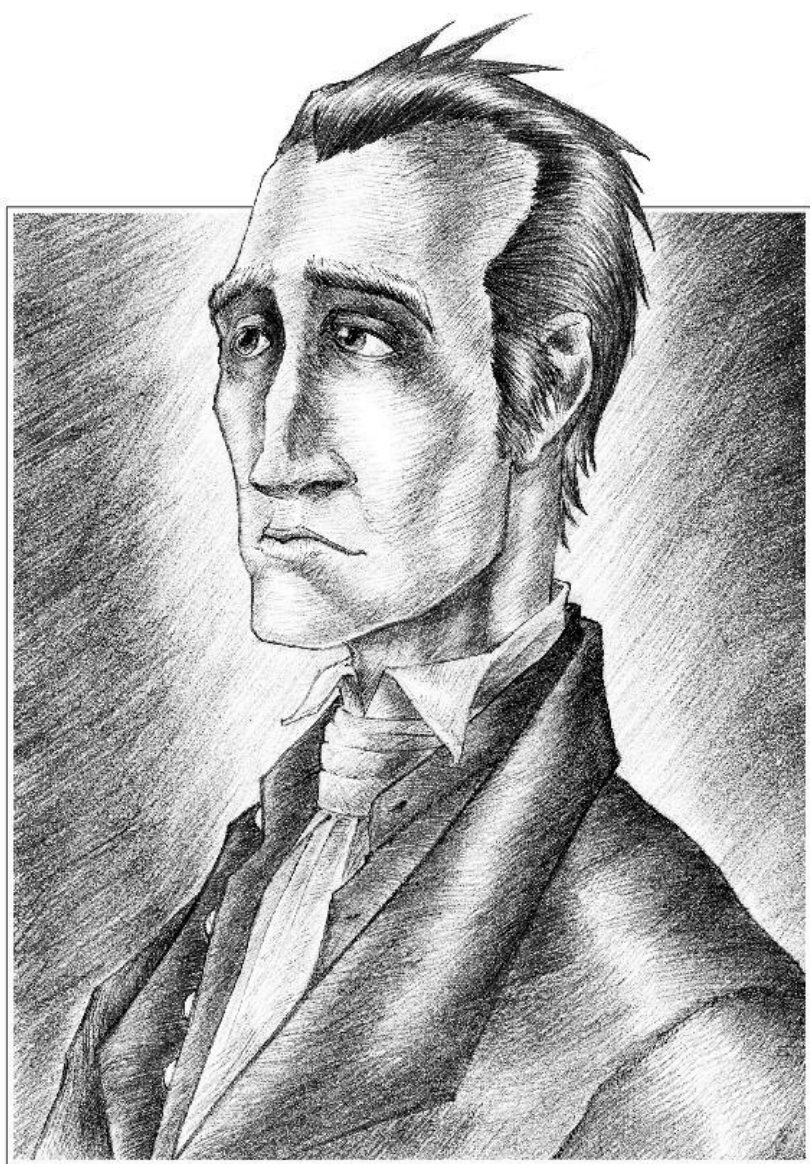
QUÁ ÍT NGƯỜI CHẾT VÌ CHỊU KHỔ

JOHN PIPER

DỊCH GIẢI:
DANIEL DOAN



mục vụ
TIÊN PHONG



CÁC SÁCH KHÁC CỦA JOHN PIPER

ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGỮ SANG
TIẾNG VIỆT

Đừng lãng phí cuộc đời

Liều lĩnh là đúng

Vi-rút Corona và Đấng Christ

Kinh ngạc vì Đức Chúa Trời

Khi tôi không khao khát Chúa

Đói khát Đức Chúa Trời

Nhìn thấy và say mê Jesus Christ

MỤC LỤC

Giới thiệu	11
1. Đức Chúa Trời muốn Phúc âm lan truyền đến các dân tộc.	13
2. Đức Chúa Trời có kế hoạch để sự chịu khổ trở thành công cụ sắc bén nhằm hoàn thành mục đích	17
3. Chúng ta đang ở đúng thời kỳ lịch sử cần phải kêu gọi thật nhiều giáo sĩ tiếp tục nỗ lực và hy sinh hơn nữa	21
4. Nỗi đau đớn của Adoniram Judson cho thấy mục đích của sự chịu khổ	25
5. Tôi nài xin bạn hãy dự phần với những gì Judson và Đấng Christ đã chịu chết thay cho	43
Tác giả	47
Mục vụ Tiên Phong	49

GIỚI THIỆU

Chúa Jêsus của chúng ta đã phán rằng: “Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, nếu hột giống lúa mì kia, chẳng chết sau khi gieo xuống đất, thì cứ ở một mình; nhưng nếu chết đi, thì kết quả được nhiều” (Giăng 12:24). Rồi sau đó Ngài lại phán rằng: “Ai yêu sự sống mình thì sẽ mất đi, ai ghét sự sống mình trong đời này thì sẽ giữ lại đến sự sống đời đời” (Giăng 12:25). Nói cách khác, một đời sống kết quả và sự sống đời đời đến từ việc: chết đi như một hột giống và ghét sự sống mình. Tôi thấy choáng ngợp khi suy nghĩ về điều này và lần theo cuộc đời của Adoniram Judson, một giáo sĩ hải ngoại đầu tiên của nước Mỹ, chính là chiến lược cuộc đời của ông là: phải “chết đi” rất nhiều lần và bằng nhiều cách.

Dần dần tôi càng bị thuyết phục bởi Kinh Thánh cùng với lịch sử các cuộc truyền giáo, đó là: ý định của Đức Chúa Trời dành cho công tác truyền giáo thế giới và để hoàn thành mục đích của Ngài, thì các sứ giả và giáo sĩ

của Ngài phải chịu khổ. Nói một cách đơn giản và cụ thể hơn, thì ý định của Đức Chúa Trời dành cho các sứ giả và giáo sĩ của Ngài phải chịu khổ là một trong những công cụ thiết yếu để lan toả niềm vui và sự toàn thắng của phúc âm giữa vòng các dân tộc trên thế giới.

Như vậy, tôi xin phép đưa ra bốn tiêu điểm và một lời nài xin để hết thảy chúng ta phải liên tục xem xét kỹ vai trò của mình trong việc hoàn thành Đại Mạng Lệnh của Chúa.

1. Đức Chúa Trời muốn phúc âm lan truyền đến các dân tộc.
2. Đức Chúa Trời có kế hoạch để sự chịu khổ trở thành công cụ sắc bén nhằm hoàn thành mục đích.
3. Chúng ta đang ở đúng thời kỳ lịch sử cần kêu gọi thật nhiều giáo sĩ phải nỗ lực và hy sinh nhiều hơn nữa.
4. Nỗi đau đớn của Adoniram Judson cho thấy mục đích của sự chịu khổ.
5. Tôi nài xin bạn hãy dự phần với những gì Judson và Đấng Christ đã chịu chết thay cho.

CHƯƠNG 1

ĐỨC CHÚA TRỜI MUỐN PHÚC ÂM LAN TRUYỀN ĐẾN CÁC DÂN TỘC.

Đây là lời hứa trong Cựu Ước:

“Bốn phương thế gian sẽ nhớ và trở lại cùng Đức Giê-hô-va; các họ hàng muôn dân sẽ thờ lạy trước mặt Ngài. Vì nước thuộc về Đức Giê-hô-va, Ngài cai trị trên muôn dân” (Thi Thiên 22:27-28)

Đó cũng là lời hứa mà Chúa Jêsus đã phán với các môn đồ của Ngài:

“Tin Lành này về nước Đức Chúa Trời sẽ được giảng ra khắp đất, để làm chứng cho muôn dân. Bấy giờ sự cuối cùng sẽ đến” (Ma-thi-ơ 24:14).

Đó vốn là ý định của Đức Chúa Trời dành cho thập tự giá:

“Chúng hát một bài ca mới rằng: Ngài đáng lấy quyền sách mà mở những ấn ra; vì Ngài đã chịu giết lấy huyết mình mà chuộc cho Đức Chúa Trời những người thuộc về mọi chi phái, mọi tiếng, mọi dân tộc, mọi nước” (Khải Huyền 5:9).

Đó là mạng lệnh cuối cùng của Đấng đã sống lại và hết thảy quyền phép thuộc về Ngài:

“Đức Chúa Jêsus đến gần, phán cùng môn đồ như vậy: Hết cả quyền phép ở trên trời và dưới đất đã giao cho ta. Vậy, hãy đi dạy dỗ muôn dân, hãy nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép báp tem cho họ, và dạy họ giữ hết cả mọi điều mà ta đã truyền cho các ngươi. Và nầy, ta thường ở cùng các ngươi luôn cho đến tận thế” (Ma-thi-ơ 28:18-20)

Đó là mục tiêu thiêng liêng trong công tác sứ đồ của Phao-lô:

“Nhờ Ngài [Đấng Christ] chúng ta đã nhận lãnh ân điển và chức sứ đồ, để đem mọi dân ngoại đến sự vâng phục của đức tin, vì danh Ngài” (Rô-ma 1:5)

Đó lại là hoài bão rất lớn của ông, không bắt nguồn từ tiếng gọi sứ đồ đặc biệt đâu mà lại chính từ trong lời hứa của Cựu Ước vẫn còn hiệu lực cho đến ngày hôm nay:

“Nhưng tôi lấy làm vinh mà rao Tin Lành ở nơi nào danh Đấng Christ chưa được truyền ra, để cho khỏi lập lên trên nền người khác, như có chép rằng: Những kẻ chưa được tin báo về Ngài thì sẽ thấy Ngài, những kẻ chưa nghe nói về Ngài thì sẽ biết Ngài” (Rô-ma 15:20-21; xem Ê-sai 52:15).

“Vì Chúa có phán dặn chúng ta như vậy: Ta lập người lên để làm sự sáng cho các dân, Hầu cho người đem sự cứu-rỗi cho đến cùng cõi đất” (Công vụ 13:47; xem Ê-sai 42:6).

Vì mục đích cao quý này mà Đức Thánh Linh được sai đến và có sự đầy dẫy của Ngài:

“Nhưng khi Đức Thánh Linh giáng trên các người, thì các người sẽ nhận lấy quyền phép, và làm chứng về ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, cho đến cùng trái đất” (Công vụ 1:8).

Ý định vô song của Đức Chúa Trời đó là: “sự vinh hiển chói lói của Tin Lành Đấng Christ” (2 Cô-rinh-tô 4:4) lan truyền đến các dân tộc trên thế giới và phải là cái nền của các hội thánh tôn cao Đấng Christ có Đức Chúa Trời làm trung tâm. Khải tượng toàn cầu vô cùng vĩ đại của phong trào Cơ Đốc này trở nên rõ ràng, mạnh mẽ và đầy thuyết phục trong đời sống của các mục sư khi có sự thức tỉnh mà Kinh Thánh nhắc đến xảy ra trên những người thuộc về Đấng Christ – giống như đã từng xảy ra giữa vòng rất

nhiều người trong nhiều thập kỷ đầu của những năm 1800, lúc đó Adoniram Judson vừa mới được cải đạo và được kêu gọi hiến thân vào trong các cuộc truyền giáo cùng với hàng trăm người khác khi ánh sáng và sức mạnh của chân lý làm thức tỉnh rất nhiều hội thánh.

CHƯƠNG 2

ĐỨC CHÚA TRỜI CÓ KẾ HOẠCH ĐỂ SỰ CHỊU KHỔ TRỞ THÀNH CÔNG CỤ SẮC BÉN NHẪM HOÀN THÀNH MỤC ĐÍCH

Tôi không có ý nói rằng sự chịu khổ là hệ quả tất yếu cho việc ra đi trong sự vâng phục. Tôi nói rằng sự chịu khổ là một trong những chiến lược mà Đấng Christ dùng để hoàn thành công tác truyền giáo của Ngài.

Chúa Jêsus phán với các môn đồ khi sai họ ra đi rằng:

“Kìa, ta sai các ngươi đi khác nào như chiên vào giữa bầy muông sói. Vậy, hãy khôn khéo như rắn, đơn sơ như chim bồ câu” (Ma-thi-ơ 10:16)

Không cần phải thắc mắc gì hơn nữa chuyện một con chiên sẽ như thế nào khi ở giữa bầy muông sói. Còn Phao-lô thì khẳng định điều này trên thực tế trong Rô-ma 8:36 rằng:

“Như có chép rằng: Vì cố Ngài, chúng tôi bị giết cả ngày; Họ coi chúng tôi như chiên định đem đến hàng làm thịt”

Chúa Jêsus biết rõ điều này sẽ trở thành công cụ để xuyên thủng sự tối tăm, thúc đẩy các cuộc truyền giáo, nhiều giáo sĩ có thể mở mang hội thánh. *“Hoạn nạn, khổn cùng, bắt bớ, đói khát, trần truồng, nguy hiểm, hay là gươm giáo” (Rô-ma 8:35)*. Đó là điều Phao-lô mong đợi, vì đó là những gì Chúa Jêsus đã hứa. Ngài còn phán rằng:

“Hãy coi chừng người ta; vì họ sẽ nộp các người trước tòa án, đánh đòn các người trong nhà hội; lại vì có ta mà các người sẽ bị giải đến trước mặt các quan tổng đốc và các vua, để làm chứng trước mặt họ và các dân ngoại” (Rô-ma 10:17-18).

Hãy để ý rằng việc làm chứng trước mặt các quan tổng đốc và các vua không chỉ là kết quả hay hệ quả, mà nó đã được định trước. *“Các người sẽ bị giải đến trước... và các vua, để làm chứng”*. Tại sao Ngài lại định trước điều này? Chúa Jêsus trả lời rằng:

“Môn đồ không hơn thầy, tôi tớ không hơn chủ. Môn đồ được như thầy, tôi tớ được như chủ, thì cũng đủ rồi. Nếu người ta đã gọi chủ nhà là Bê-ên-xê-bun, phương chi là người nhà!” (Ma-thi-ơ 10:24-25)

Sự chịu khổ không chỉ là hệ quả cho sự vâng lời và trong sứ mạng của người Chủ. Đó là chiến lược trọng tâm trong sứ mạng của Ngài. Đó là cơ sở để Ngài hoàn thành sứ mạng. Chúa Jêsus kêu gọi chúng ta cùng dự phần với Ngài trên con đường Gô-gô-tha, vác thập tự giá của chúng ta, ghét bỏ sự sống của mình trong thế gian này, rơi xuống đất giống như hạt giống và chết đi, để người khác có được sự sống. Chúng ta không hơn gì người Chủ của mình. Nói chắc chắn hơn tức là sự chết của chúng ta chẳng thể nào đền tội cho ai cả, nhưng đó là phương cách mạnh mẽ nhất để thực hiện sứ mạng mà chúng ta thường không nhận ra.

Khi những kẻ tử vì đạo kêu cầu Đấng Christ ở dưới trời rằng: *“Chúa tri hoãn xét đoán và chẳng vì huyết chúng tôi báo thù những kẻ ở trên đất cho đến chừng nào?”* Họ được cho biết phải ở yên ít lâu nữa đến khi được đủ số người cùng làm việc và anh em mình phải bị giết giống như mình (*Khải Huyền 6:11*).

Sự tử vì đạo không chỉ là hệ quả cho tình yêu và sự vâng phục đầy nhiệt thành; nó còn là vì số người đã được định sẵn ở trên trời rằng: *“cho đến khi được đủ số người cùng làm việc và anh em mình phải bị giết”*. Đấng Christ đã phải chịu chết như thế nào để cứu rỗi những nhóm dân tộc chưa được vược đến trên thế giới, thì sẽ có nhiều giáo sĩ phải chết để cứu lấy những người đó trên thế giới.

Trừ khi chúng ta nghĩ nói như vậy tức là đang cho rằng sự chịu khổ trong công tác truyền giáo của các giáo sĩ quá gần với sự chịu khổ của Đấng Christ, thì hãy lắng nghe

những lời quả quyết từ sứ đồ Phao-lô trong Cô-lô-se 1:24 nói rằng:

“Nay tôi lấy làm vui về sự tôi đã chịu khổ sở vì anh em, tôi lại vì thân thể Đấng Christ, là Hội thánh, mà đem xác thịt mình chịu hết các điều còn lại trong sự thương khó của Ngài”.

Trong sự chịu khổ, sứ đồ Phao-lô đang *“chịu hết các điều còn lại trong sự thương khó của Ngài”*. Không phải sự chịu khổ của Phao-lô sẽ chuộc tội cho ai hoặc là làm người cơn thịnh nộ hay là chứng tỏ sự công chính để xoá bỏ tội lỗi, nhưng sự chịu khổ của ông bày tỏ cho các dân tộc chưa được vươn đến nhìn thấy sự thương khó của Đấng Christ. Khi sứ đồ Phao-lô chia sẻ sự thương khó của Đấng Christ trong niềm vui và tình yêu thương, thì ông chịu khổ vì những kẻ yêu dấu mà Đấng Christ đã chịu chết thay cho họ. Sự chịu khổ trong công tác giáo sĩ của sứ đồ Phao-lô là ý định của Đức Chúa Trời để làm trọn sự thương khó của Đấng Christ, bằng cách phơi bày sự chịu khổ đó ra một cách rõ ràng, mang tính cá nhân và là đáng quý cho những kẻ mà Ngài đã vì họ chịu chết.

Cho nên, tôi nói điều này một cách đầy tình tảo rằng: kế hoạch của Đức Chúa Trời đó là để phúc âm được lan truyền và hội thánh được mở mang cách đắc thắng thông qua sự chịu khổ của những người thuộc về Ngài, đặc biệt là những sứ giả và các giáo sĩ của Ngài. Không ai có thể mô tả điều này tuyệt vời hơn bằng Adoniram Judson.

CHƯƠNG 3

CHÚNG TA ĐANG Ở ĐÚNG THỜI KỲ LỊCH SỬ CẦN PHẢI KÊU GỌI THẬT NHIỀU GIÁO SĨ TIẾP TỤC NỖ LỰC VÀ HY SINH HƠN NỮA

Patrick Johnstone nói với tổ chức Operation World rằng chỉ vào những năm 1990 chúng ta mới có được danh sách đầy đủ các dân tộc trên thế giới. Đó là lần đầu tiên chúng ta có thể thấy rất rõ ràng những gì còn lại cần phải được hoàn tất. Có khoảng 12,000 nhóm dân tộc trên thế giới. Khoảng 3,500 trong số đó, ở mức trung bình, có 1,2% là Cơ Đốc nhân – khoảng 20 triệu người trong số 1,7 tỷ người, trên danh nghĩa là Cơ Đốc nhân.¹ Hầu hết các nhóm dân tộc ít được vươn đến khoảng 3,500 người nằm trong cửa sổ 10/40 và không hề có thiện cảm tôn giáo với các cuộc truyền giáo Cơ Đốc. Điều đó có nghĩa là chúng ta phải đem phúc âm đến với các nhóm dân tộc này, và như thế có nghĩa là rất nguy hiểm và phải trả giá đắt. Vài người trong chúng ta cho đến con cái của chúng ta sẽ phải bị giết.

Khi Adoniram Judson đặt chân đến Burma vào tháng 7

năm 1813, nơi đây vẫn được gọi là vùng đất thù địch chưa được vượn đến. William Carey đã nói với Judson ở Ấn Độ vài tháng trước đó rằng đừng đi đến đó. Ngày hôm nay có lẽ sẽ được coi là một đất nước đóng cửa – với chế độ chuyên quyền vô chính phủ, chiến tranh dữ tợn với người Siam, nhiều cuộc đột kích từ kẻ thù xảy ra, thường có bạo loạn, không hề có sự dung thứ về tôn giáo. Tất cả các giáo sĩ trước đó đều ngã chết hoặc là bỏ về.²

Nhưng Judson đã đặt chân đến đất nước này cùng với người vợ 23 tuổi mới cưới được 17 tháng. Lúc đó, ông chỉ mới 24 tuổi và đã làm việc tại đất nước này suốt 38 năm cho đến lúc qua đời ở tuổi 61, chỉ có một lần duy nhất trở về nước Anh sau gần 33 năm. Cái giá mà ông phải trả là rất lớn. Ông là một hạt giống đã rơi xuống đất và chết đi. Kết quả mà Đức Chúa Trời làm được kỳ diệu trong nhiều tác phẩm uyên bác như Sách Giáo Khoa Kiến Thức Về Thế Giới Cơ Đốc (*World Christian Encyclopedia*) của David Barrett nói rằng: “Hiệp Hội Báp-tít Burma là lực lượng Cơ Đốc nhân lớn nhất, đây là một công tác tiên phong của giáo sĩ người Mỹ tên là Adoniram Judson”.³

Judson là người thuộc hệ phái Báp-tít khi đặt chân đến Burma vào năm 1813, mặc dù ông đã rời khỏi nước Anh khi còn là người theo chủ nghĩa giáo đoàn. Suy nghĩ của ông đã thay đổi trong suốt 114 ngày đi biển đến Ấn Độ và người cùng làm việc với Carey là William Ward đã làm báp-tem cho Adoniram và Ann Judson tại Ấn Độ vào ngày 6 tháng 9 năm 1812. Ngày hôm nay, Patrick Johnstone ước tính Hiệp Hội Báp-tít Burma (tên được gọi ngày nay) có

khoảng 3,700 hội chúng với 617,781 tín hữu và 1,900,000 hội viên⁴ – kết quả của một hội giống chết đi.

Tất nhiên vẫn có những người khác nữa ngoài Adoniram Judson – phải có đến hàng trăm người khác nữa. Nhưng họ đã đến và từ bỏ mạng sống của mình. Hầu hết đều qua đời ở độ tuổi trẻ hơn Judson. Họ chỉ phục vụ vì một điều duy nhất. Ngày hôm nay, kết quả vô cùng bất ngờ ở Myanmar đã tăng trưởng trên mảnh đất của rất nhiều giáo sĩ chịu khổ và chịu chết, đặc biệt là Adoniram Judson.

Câu hỏi của tôi đó là, nếu Đấng Christ trì hoãn sự trở lại của Ngài hai trăm năm nữa – một phần rất nhỏ của cái gọi là một ngày theo cách tính của Ngài – thì ai trong số chúng ta sẽ chịu khổ và chịu chết để ân điển toàn thắng được lan truyền cho một hay hai người trong số 3,500 người đang sống trong cùng một tình trạng giống như người Karen, người Chin, người Kachin và người Burmese vào năm 1813? Ai sẽ chịu đựng sự khó nhọc lâu dài và khắc nghiệt, bền bỉ đến cùng để rồi sau hai trăm năm sẽ có hai triệu Cơ Đốc nhân giữa vòng các nhóm dân tộc thuộc cửa sổ 10/40 có thể nói không với nguồn gốc Hồi Giáo, Ấn Độ giáo và Phật Giáo của họ?

Nguyện Đức Chúa Trời dùng chính Lời quyền năng của Ngài và cuộc đời của Adoniram Judson để dứt dấy nhiều người trong chúng ta dâng cuộc đời mình vì một mục đích cao cả!

1. Patrick Johnstone, Jason Mandryk, eds., *Operation World* (Carlisle, UK: Paternoster, 2001), 15–16.
2. Courtney Anderson, *Đến bờ biển vàng: Cuộc đời của Adoniram Judson* (Grand Rapids: Zondervan, 1956), 134.
3. David Barrett, ed., *Bách khoa Toàn thư Cơ Đốc nhân Thế giới* (New York: Báo Đại học Oxford, 1982), 202.
4. Patrick Johnstone, *Operation World*, 462.

CHƯƠNG 4

NỖI ĐAU ĐỚN CỦA ADONIRAM JUDSON CHO THẤY MỤC ĐÍCH CỦA SỰ CHỊU KHỔ

Adoniram Judson “ghét sự sống mình trong đời này” và là một “hột giống...khi gieo xuống đất...chết đi”. Trong sự chịu khổ, ông đã “*chịu hết các điều còn lại trong sự thương khó của Ngài*” giữa vòng người Burma chưa được vươn đến. Vì thế, cuộc đời của ông đã kết quả nhiều và ông đang thấy kết quả đó ngày hôm nay và cho đến mãi mãi. Ông đã nói, không chút nghi ngờ, rằng: Thật xứng đáng!

Quyết Tin Nơi Sự Tế Trị Tốt Lành Của Đức Chúa Trời

Judson là người theo thuyết Calvin, nhưng không mặc lấy chủ nghĩa Calvin nơi ống tay áo của mình.¹ Bạn có thể thấy bằng chứng cho niềm tin bị ảnh hưởng bởi thời kỳ Cải Chánh của ông trong quyển sách *Bởi Ân Điển Ngài và vì vinh hiển Chúa* của Thomas J. Nettles.² Cha của Judson là mục sư của Giáo Đoàn tại Massachusetts, ông là bạn

học cùng lớp với một sinh viên của Jonathan Edward tên là Joseph Bellamy, còn Adoniram đã thừa hưởng một niềm tin sâu đậm nơi uy quyền tể trị của Đức Chúa Trời. Điều quan trọng ở đây đó là nhấn mạnh vào một niềm tin quyết vô cùng sâu sắc nơi sự tiếp trợ trọn vẹn của Đức Chúa Trời trong cơn khốn khó và sự chịu khổ đã giúp ông còn lại đến cuối cùng. Ông nói rằng: “Nếu tôi không biết chắc rằng mỗi thử thách đều được phép xảy ra bởi vì tình yêu và lòng thương xót vô hạn, thì tôi không thể chịu đựng nổi sự khốn khổ của mình”.³

Đó cũng là sự tin quyết không hề lay chuyển ở nơi ba người vợ của ông là Ann (hay Nancy), Sarah và Emily. Đối với Ann, đã kết hôn với Judson vào ngày 5 tháng 2 năm 1812 và đã lìa xa ông trên chuyến tàu vào ngày 19 tháng 2 ở tuổi 23, bà sanh cho Adoniram ba người con. Tất cả đều chết. Đứa con đầu lòng, chưa được đặt tên, đã chết lúc mới vừa sanh khi họ đang trên tàu từ Ấn Độ đến Burma. Đứa con thứ hai, tên là Roger Williams Judson, sống được 17 tháng rồi chết. Đứa thứ ba, tên là Maria Elizabeth Butterworth Judson, sống đến hai tuổi, phải xa mẹ sáu tháng rồi chết.

Khi đứa con thứ hai của bà vừa chết đi, Ann Judson đã viết rằng:

Lòng chúng tôi vẫn còn vương vấn đứa con nầy: chúng tôi cảm thấy nó là tất cả những gì hiện tại, nó là nguồn vui vẻ hỗn nhiên duy nhất mà chúng tôi có được trên mảnh đất nầy. Nhưng Đức Chúa Trời đã coi như vậy là đủ để nhắc chúng tôi nhớ đến tội

lỗi của con người và đã cất đi tất cả những gì chúng tôi có. Cầu xin việc Ngài đã làm sẽ chẳng ra vô ích. Xin giúp chúng tôi tận dụng điều này để chính Ngài sẽ giờ tay ra mà phán “đủ rồi”.⁴

Nói cách khác, ông và ba người vợ đã sống với một niềm tin quyết cứng như đá rằng Đức Chúa Trời là Đấng tể trị và Ngài là Đấng tốt lành. Mọi sự đều là từ bàn tay tốt lành của Ngài – sự tốt lành vô cùng đau đớn – đối với những đứa con của ông.

Có nhiều lý do sản sinh ra một sự tin quyết giúp người giáo sĩ có được sự bền đỗ nơi sự tốt lành và sự tiếp trợ của Đức Chúa Trời. Tất nhiên, đầu tiên phải là cha của Judson. Đó là điều ông tin và là cuộc sống của ông. Căn nguyên thứ hai cho sự tin quyết này đó là Kinh Thánh. Judson là một người yêu mến Lời Chúa. Di sản quan trọng nhất sau 38 năm cuộc đời của ông tại Burma là một bản dịch Kinh Thánh hoàn chỉnh tiếng Burmese và một quyển từ điển để các giáo sĩ sau này có thể sử dụng trong công tác của họ.

Khi một người dạy đạo Phật nói rằng ông không thể tin được Đấng Christ đã chịu chết trên thập tự giá bởi vì không có vị vua nào để cho con của mình phải chịu sự sỉ nhục đến vậy, thì Judson trả lời rằng:

Vậy thì ông không phải là môn đồ của Đấng Christ. Một người môn đồ thật không chất vấn để bắt thực tế phải giống như lý luận của anh ta, nhưng sẽ hỏi liệu điều đó có được chép trong quyển sách không.

Sự kiêu ngạo của người môn đồ phải chịu khuất phục trước lời chứng mạnh mẽ trong quyển sách này. Thưa ông, ông vẫn giữ sự kiêu ngạo trong lòng. Hãy đánh đổ sự kiêu ngạo của ông mà đầu phục Lời của Đức Chúa Trời.⁵

Đứa con hoang đàng được cứu rỗi kỳ diệu

Một lý do khác hình thành nên sự tin quyết ở trong ông nơi sự tốt lành và sự tiếp trợ vô cùng chi tiết của Đức Chúa Trời đó là cách Ngài đã cứu rỗi cuộc đời ông. Đó là một câu chuyện phi thường. Ông là một người con trai sáng dạ. Mẹ dạy ông biết đọc trong vòng một tuần lúc ông chỉ mới 3 tuổi khiến cha của ông vô cùng ngạc nhiên khi vừa mới trở về nhà.⁶ Khi ông lên 16 tuổi bước chân vào trường Đại Học Brown là một chàng sinh viên năm thứ hai và đã tốt nghiệp ở vị trí đầu lớp ba năm sau đó vào năm 1807.

Điều mà cha mẹ là hai người rất yêu mến Chúa không hề biết đó là Adoniram đang dần rời xa niềm tin của mình bởi một người sinh viên cùng lớp tên là Jacob Eames, người này là một nhà Thần Luận. Lúc ấy, Judson đã học xong nhưng chưa có niềm tin Cơ Đốc. Ông đã giữ kín điều này không cho cha mẹ biết cho đến sinh nhật lần thứ 20 của mình, ngày 9 tháng 8 năm 1808, khi ông làm tan vỡ tấm lòng của họ bằng cách nói cho họ biết ông chưa hề có niềm tin và ông dự định đến New York và học viết kịch cho nhà hát – chuyện này xảy ra sáu ngày sau đó khi ông cưới con ngựa là phần tài sản mà cha đã để cho ông.

Đó không phải là giấc mơ cuộc đời của ông. Ông để mình ở cùng mấy gã đi hát rong, rồi sau đó sống như ông nói rằng, “một cuộc sống bất cần, lêu lổng, lang thang tìm chỗ ở và lừa gạt chủ nhà khi có cơ hội”.⁷

Chính khoảng thời gian ghê tởm này đã khiến ông tìm thấy những sự cung ứng lạ lùng dần bắt đầu. Ông đến thăm cậu Ephraim ở Sheffield, nhưng lại tìm thấy một “thanh niên ngoan đạo” khiến ông ngạc nhiên bởi vì niềm tin Cơ Đốc của người này rất mạnh mẽ mà không tỏ ra “quá khát khe và độc tài”.⁸ Điều lạ lùng đó là ông tìm thấy chàng thanh niên mà không phải là cậu của mình.

Qua đêm hôm sau, ông ở trọ trong một ngôi làng chưa từng đến đó bao giờ. Người chủ nhà trọ phải xin lỗi vì giấc ngủ của ông sẽ bị quấy rầy bởi một người bị bệnh nặng đang nằm ở phòng kế bên. Suốt đêm, ông phải nghe tiếng người ra vào, đến tiếng nói nhỏ nhẹ, tiếng rên rỉ và tiếng thở hổn hển. Nó khiến ông phải nghĩ rằng người đàn ông bên kia phòng chưa sẵn sàng để chết. Ông cảm tưởng về bản thân mình và có những tư tưởng kinh khủng về cái chết. Ông cảm thấy thật ngu xuẩn vì những nhà thần luận ngon lành làm gì có những thứ phải đắn đo như thế.

Khi ông ra khỏi phòng vào buổi sáng, ông hỏi thăm về người đàn ông bên cạnh phòng của mình có đỡ hơn hay không. Người chủ nhà trọ nói: “Anh ta chết rồi”. Judson bị chùng hững trước cái kết cục của mọi thứ. Khi chủ nhà trọ đi ra, ông hỏi rằng: “Ông có biết người đó không?”. “Có chứ. Một thanh niên còn trẻ là sinh viên của trường Providence. Anh ta tên là Eames. Jacob Eames”.⁹

Judson đứng chờ người ra. Ông đã có hàng giờ đồng

hồ suy tư về cái chết của người bạn, là một nhà thần luận. Nếu bạn của ông là Eames nói đúng, thì những gì xảy ra là vô nghĩa. Nhưng Judson không thể tin được rằng: “Địa ngục đã há miệng nuốt chửng Jacob Eames ngay tại nhà trọ trong làng, một người dẫn dắt và cũng là bạn thân của ông, ở ngay bên cạnh ông – đây không thể, cũng không chỉ đơn giản, là một sự tình cờ”.¹⁰

Sự cải đạo của ông không xảy ra ngay lập tức. Nhưng bây giờ mọi thứ trở nên chắc chắn hơn. Đức Chúa Trời đang lần theo ông, giống như sứ đồ Phao-lô trên đường đến thành Đa-mách vậy, không có lối thoát nào nữa. Nhiều tháng tranh chiến trôi qua. Ông đến trường Thần Học Andover vào tháng 10 năm 1808 và dâng cuộc đời mình cho Chúa một cách nghiêm túc vào ngày 2 tháng 12 năm đó.

Thức Tỉnh Trước Sứ Mạng Toàn Cầu

Ngọn lửa bùng cháy vì công cuộc truyền giáo tại trường Andover và Williams (một buổi nhóm cầu nguyện tại đám cỏ khô diễn ra vào tháng 8 năm 1806, gần trường Williams, và hai buổi cầu nguyện đã đến tại Andover).

Vào ngày 28 tháng 8 năm 1810, Judson và nhiều người khác đã đến trước Giáo Đoàn để xin được làm giáo sĩ ở phương Đông. Ông gặp Ann trong ngày hôm đó và yêu bà. Sau khi tìm hiểu Ann Hasseltine được một tháng thì ông nói muốn cầu hôn cô ấy, rồi viết một lá thư như sau để gửi cho cha của bà:

*Bây giờ tôi xin phép, xin ông có thể chấp thuận sớm rời xa con gái của mình vào mùa xuân tới được không, để không còn gặp lại cô ấy trong thế giới này nữa; xin ông có thể chấp thuận để cô ấy ra đi, sống một cuộc đời giáo sĩ với thử thách và gian khổ được không; xin ông có thể chấp thuận để cô ấy mạo hiểm lên đênh trên biển, đến sống với luồng khí hậu không dễ dàng ở miền nam Ấn Độ được không; chịu đủ sự thiếu thốn và khốn cùng; chịu phai tàn nhan sắc, sỉ nhục, bất bớ và có thể phải chết cách đau đớn. Xin ông có thể chấp thuận tất cả những điều này, vì có Đấng đã rời bỏ nhà trên trời và chịu chết cho cô ấy và cho chính ông; vì có những linh hồn tội nhận đang hư mất; vì có Si-ôn và vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời được không? Xin ông có thể chấp thuận tất cả những điều này, với hy vọng sẽ sớm gặp lại con gái của ông ở trong nước vinh hiển, đội mão triều thiên của sự công bình, rục rờ trong tiếng hoan hô khen ngợi nhiệt liệt cho Chúa Cứu Thế của cô ấy từ các thánh đồ được cứu thoát khỏi sự đau khổ và tuyệt vọng đời đời, nhờ cuộc đời của cô ấy được không?*¹¹

Thật ngạc nhiên, vì Cha của bà nói rằng bà có thể tự quyết định theo ý mình. Bà viết một lá thư gửi cho người bạn là Lydia Kimball như sau:

Tôi thấy sẵn sàng và trông chờ, nếu không có gì cản trở bởi ý muốn của Chúa, để sống những ngày tháng còn lại trong thế giới nơi đất ngoại đạo. Phải, Lyndia, tôi sắp sửa đi đến quyết định từ bỏ sự an toàn và sở thích của mình, hy sinh tình yêu mà tôi dành cho họ hàng và bạn bè, để đi đến nơi mà Đức Chúa Trời, trong sự phù hộ của Ngài, sẽ đặt để theo ý Ngài lấy làm vừa lòng.¹²

Sự Chịu Khổ Của Họ Trên Cánh Đồng Truyền Giáo

Hai người kết hôn được một năm rưỡi vào ngày 5 tháng 2 năm 1812,¹³ rồi lên thuyền đến Ấn Độ trong vòng 12 ngày sau đó cùng với hai cặp vợ chồng khác và hai người đàn ông độc thân,¹⁴ họ chia nhau ra đi trên hai chiếc thuyền để đề phòng trường hợp bị đắm tàu. Sau một khoảng thời gian ở Ấn Độ, họ chọn mạo hiểm vào Rangoon và đến đó ngày 13 tháng 7 năm 1813. Cuộc sống bắt đầu một cuộc chiến lâu dài với sức nóng ở nhiệt độ 108 cùng bệnh dịch tả, sốt rét, kiết lỵ và nhiều sự cực khổ không kể tên đã lấy mất hai người vợ của Judson và 13 người con, từng người đồng sự của ông cũng phải chết.

Tin tức lần đầu tiên chuyển đến sau hai năm vào ngày 5 tháng 9 năm 1815. Họ đã qua đời bên cạnh gia đình của mình. Adoniram không còn được nhìn thấy cha mẹ và anh em của mình nữa. Ông không quay về trong vòng 33 năm. “Kỳ hạn của người giáo sĩ” lúc bấy giờ rất lâu. Thế giới thời ấy khác nhiều so với ngày nay. Nếu ai đó bị bệnh cần thuốc để chữa trị thì phải mất đến nhiều ngày đi biển. Cho

nên, một cuộc hôn nhân hay toàn bộ công việc có thể phải bị trì trệ, nếu không nói là từ ba đến sáu tháng.

Hoặc là có thể kéo dài lâu hơn. Tám năm sống với sứ mạng, Ann bị mắc bệnh nặng đến nỗi hy vọng duy nhất là đưa bà về nhà. Bà đã lên thuyền vào ngày 21 tháng 8 năm 1821. Bà trở lại vào ngày 5 tháng 12 năm 1823, tức là hai năm bốn tháng sau đó. Khi bà đến nơi thì ông không hề biết một tin tức gì về bà trong vòng 10 tháng. Nếu bạn là người đã kết hôn và rất yêu vợ của mình, thì đây là cách để chết đi mỗi ngày vì sẽ có một ngày tươi mới và vui mừng hơn.

Một trong những điều đáng vui mừng khi chúng kiến sự tiếp trợ đầy tốt lành của Đức Chúa Trời trong lúc tăm tối. Đối với Ann, được phục hồi sau khi trở về Mỹ, bà viết một quyển sách tên là: *Sứ Mạng Của Hội Báp-tít Mỹ Tại Đế Chế Của Người Burma (An Account of the American Báp-tít Mission to the Burman Empire)*. Quyển sách đã tác động rất lớn trong việc dứt dấy nhiều người mới, nhiều sự cầu nguyện và tài chánh. Điều này sẽ không bao giờ xảy ra nếu bà không mắc bệnh cùng với hai năm vắng bóng khỏi cánh đồng truyền giáo. Nhưng hầu hết thì nhiều mục đích tốt lành cho sự đau khổ không hề rõ ràng giống như vậy.

Qua rất nhiều sự khó khăn cùng với bệnh tật và những lúc bị gián đoạn, Judson đã cố gắng học ngôn ngữ, dịch Kinh Thánh và làm chứng ở trên đường phố. Sáu năm sau, từ lúc mới đặt chân đến đây, họ đã làm báp-tem cho một người tin Chúa đầu tiên tên là Maung Nau. Giai đoạn gieo giống rất khó khăn và kéo dài rất lâu. Còn để thu hoạch thì còn khó khăn hơn sau nhiều năm. Nhưng vào năm 1831 đã

xuất hiện một tinh thần mới ở trên mảnh đất này. Judson đã viết như sau:

Xu hướng tò mò...lan tràn mọi nơi, dọc chiều dài và chiều rộng của vùng đất này”. [Chúng tôi đã phân phát] gần 10,000 cuốn truyền đạo đơn, không đưa cho những người nào không có sự tò mò. Tôi cho là có đến 6000 người đọc mấy cuốn truyền đạo đơn ở nhà. Vài người phải mất đến hai hay ba tháng mới đến được, từ biên giới giữa Siam và Trung Hoa – ‘Thưa ngài, chúng tôi nghe nói có địa ngục đời đời. Chúng tôi sợ lắm. Xin gửi cho chúng tôi một cuốn khác để biết làm thế nào thoát khỏi địa ngục’. Nhiều người khác đến từ biên giới Kathay, khoảng 100 dặm về phía bắc của Ava – ‘Thưa ngài, chúng tôi có đọc quyển sách nói về Đức Chúa Trời đời đời. Ông có phải là người phát mấy quyển sách đó không? Nếu vậy, hãy cầu nguyện để chúng tôi có Ngài, vì chúng tôi muốn biết lẽ thật trước khi chúng tôi chết’. Những người khác, từ nhiều nơi xa trong đất nước, là những chỗ ít nghe nói về Danh của Chúa Giêsu – ‘Ông có phải là người của Chúa Giêsu Christ không? Xin cho chúng tôi một cuốn khác nói về Chúa Giêsu Christ’.¹⁵

Nhưng đã có một cái giá rất lớn phải trả từ lần đầu tiên được cải đạo vào năm 1819 cho đến khi quyền năng của Đức Chúa Trời tuôn đổ vào năm 1831.

Vào năm 1823, Adoniram và Ann đã rời từ Rangoon

đến Ava, là thủ đô, khoảng 300 dặm nội địa cho đến con sông Irrawaddy. Đó là một quyết định nguy hiểm khi ở gần vị vua chuyên quyền. Vào tháng Năm một năm sau đó, hạm đội nước Anh đến Rangoon và dội bom xuống bến cảng. Tất cả người Tây phương ngay lập tức bị coi là gián điệp, Adoniram bị lôi đi từ nhà của mình vào ngày 8 tháng 6 năm 1824 rồi bị tống vào tù. Chân của ông thì bị cùm, tới đến có một thanh tre dài được đưa xuống luồng qua hai chân chỉ để treo ngược tù nhân lên đến khi vai và đầu của họ sà dưới đất.

Ann đang mang thai, nhưng phải đi bộ mỗi ngày 2 dặm đường đến cung điện để biện hộ cho Judson không phải là gián điệp và nài xin lòng khoan dung của họ. Bà đã xin giảm nhẹ tội cho ông để ông có thể được ra vào sân toà án. Nhưng nhiều tù nhân bị sâu mọt trên tóc và trong thức ăn, nên phải bị cạo trọc đầu. Gần một năm sau đó, họ bất ngờ bị dời đến một nhà tù trong làng xa hơn, gầy, hốc mắt lồi ra, ăn mặc như giẻ rách, bị liệt vì tra tấn. Nhiều mũi mồng ra từ thóc lúa khiến họ điên lên vì đôi chân của họ chảy rất nhiều máu.

Con gái của họ là Maria vừa ra đời, còn Ann thì gần như bị bệnh và ốm đi giống như Adoniram, nhưng vẫn lần theo ông cùng với đứa con gái còn rất nhỏ để chăm sóc ông những khi có thể. Bà không có sữa, còn người cai tù cảm thương hoàn cảnh của họ và để cho Judson được phép ẵm con gái của mình đi lại trong làng mỗi đêm để xin cho con được bú sữa từ mấy người phụ nữ khác.

Vào ngày 4 tháng 11 năm 1825, Judson đột nhiên được phóng thích. Nhà nước cần ông làm người phiên

ngôn để thương lượng với người Anh. Kỳ hạn thử thách đã qua – 17 tháng ở trong tù và cận kề cái chết, còn vợ của ông đã hy sinh chính bản thân bà và cô con gái để chăm sóc ông khi bà có cơ hội. Ann bị suy nhược về sức khoẻ. Mười một tháng sau đó bà đã qua đời (ngày 24 tháng 10 năm 1826). Sáu tháng sau đó đứa con gái của họ cũng chết (ngày 24 tháng 4 năm 1827).

Trong khi ông còn chịu khổ sở trong tù thì Adoniram nói với người đồng tù với mình rằng:

Tôi sẽ sớm được thả ra; nếu đúng như vậy, thì tôi sẽ lấy lòng nhiệt thành mà tiếp tục công việc của mình! Nếu không được – thì xin ý Ngài được nên. Cánh cửa sẽ được mở ra cho người khác để có thể làm công tác này tốt hơn.¹⁶

Bóng Tối Phủ Kín Tâm Hồn Của Judson

Giờ đây, vợ và đứa con gái của ông không còn nữa, bóng tối bắt đầu giăng kín tâm hồn ông. Vào tháng Bảy, ba tháng sau cái chết của đứa con gái, ông nhận được tin cha của ông đã qua đời tám tháng trước đó rồi.

Những mất mát đã ảnh hưởng đến tâm lý của ông. Những sự nghi ngờ chiếm hữu tâm trí khiến ông tự hỏi bản thân có phải vì tiếng tăm và tham vọng, không phải vì lòng khiêm nhường và tình yêu hy sinh, mà ông đã trở thành giáo sĩ chẳng! Ông bắt đầu đọc về mấy chuyện kỳ bí của Thiên Chúa giáo, Madame Guyon, Fenelon, Thomas a Kempis, và nhiều điều khác nữa, họ đã khiến ông rơi vào

chỗ tự cô lập bản thân và thực hành đủ loại khổ hạnh. Ông từ bỏ công tác dịch Kinh Thánh Cựu Ước, tình yêu của đời ông, và càng ngày càng co rút khỏi mọi người lẫn “bất kỳ thứ gì có thể ủng hộ sự kiêu ngạo hay kích thích sở thích riêng của ông”.¹⁷

Ông từ chối những bữa ăn uống ở ngoài. Ông huỷ hết những thư giới thiệu. Ông chính thức từ chối là Tiến Sĩ Thần Học mà trường Đại Học Brown đã trao cho ông vào năm 1823 bằng cách viết một lá thư gửi cho Tờ Tạp Chí Báp-tít Mỹ (American Baptist Magazine). Ông dâng hết tài sản cá nhân (khoảng 6000 đô-la) cho Hội Đồng Báp-tít. Ông đề nghị tiền lương giảm xuống còn một phần tư và hứa rằng chính ông sẽ dâng hiến nhiều hơn cho công tác truyền giáo. Vào tháng 10 năm 1828, ông xây một nhà tạm ở trong rừng cách cơ sở truyền giáo Moulmein không xa và chuyển đến ở vào ngày 24 tháng 10 năm 1828, kỷ niệm ngày Ann qua đời lần thứ hai, để sống một cuộc đời hoàn toàn cô lập.

Ông đã viết một lá thư gửi về cho gia đình của Ann: “Những giọt nước mắt của tôi tuôn chảy trước phần mộ của người tôi rất yêu thương và cho chính tấm lòng đã cạn khô trong tôi”.¹⁸ Ông đã đào một ngôi mộ bên cạnh nhà tạm của mình và ngồi đó ngắm nhìn cái xác đang bị mục nát. Ông yêu cầu huỷ tất cả những lá thư của ông ở nước Anh với điều kiện gửi về cho người chị em của ông một tài liệu hợp pháp. Ông sống ẩn dật bốn mươi ngày một mình sâu trong khu rừng có những con cạp thường hay quấy phá, rồi viết một lá thư miêu tả nỗi buồn trong tâm linh của ông. “Đối với tôi Đức Chúa Trời

là Đấng Xa Lạ, tôi tin Ngài, nhưng tôi không tìm thấy Ngài”.¹⁹

Elnathan, anh của ông qua đời vào ngày 8 tháng 5 năm 1829 ở tuổi 35. Thật trớ trêu thay, chính điều này lại là bước ngoặt cho sự phục hồi của Judson, bởi vì ông có lý do để tin rằng người anh em vô tín suốt 17 năm qua đã ra đi trong đức tin. Suốt năm 1830 là những ngày Adoniram leo lên khỏi chốn tối tăm.

Một năm sau đó, năm 1831, khi ông kinh nghiệm một sự tò mò về tâm linh lan tràn khắp nơi. Có phải là sự tỉnh cơn chẳng? Hay có phải là cách thức mà Đức Chúa Trời dùng để đem đến một sự đột phát tâm linh trong chỗ tối tăm và chưa được vươn đến chẳng?

Nếu chúng ta có thời gian thì có thể kể đến những nỗi khổ và sự vui mừng khác của ông. Ông kết hôn với Sarah Boardman, một người giáo sĩ là goá phụ, vào ngày 10 tháng 4 năm 1834, tức là tám năm sau khi Ann qua đời. Họ có tám người con. Năm đứa còn sống qua tuổi ấu thơ. Bà là một người bạn đời có tài và biết rõ ngôn ngữ hơn bất kỳ ai ngoại trừ ông.

Nhưng 11 năm sau, bà mắc bệnh nặng đến nỗi cả hai phải lên thuyền trở về Mỹ cùng với ba đứa lớn. Họ để lại ba đứa nhỏ hơn, một trong số đó đã chết trước khi Judson trở về. Judson chưa từng trở về Mỹ sau 33 năm và lần này chỉ quay về bởi vì sức khỏe của vợ ông. Khi con thuyền vòng qua eo biển Châu Phi vào tháng 9 năm 1845, Sarah qua đời. Chiếc thuyền thả neo tại đảo St. Helena đủ lâu để đào một ngôi mộ và chôn cất vợ và là mẹ của mấy đứa con rồi nhổ neo để đi tiếp.

Mất Hy Vọng Trong Thế Giới

Lần này, Adoniram không lao vào chỗ trũng như lần trước nữa. Nhưng hơn thế, nỗi khổ đã làm ông mất đi hy vọng trong thế giới. Ông đang học cách từ bỏ mạng sống của mình trong thế gian mà không giữ sự cay đắng hay tuyệt vọng. Ông có một hoài bão: quay về và sống chết vì Burma. Việc ở lại Mỹ đủ lâu để con cái của ông ổn định rồi tìm một con thuyền để trở lại. Tất cả những gì ông còn để lại ở nước Anh là người chị em của ông. Bà đã bảo quản phòng của ông còn y nguyên như 33 năm về trước và giữ như vậy cho đến ngày bà qua đời.

Thật ngạc nhiên, Judson lại yêu đến lần thứ ba, lần này là với Emily Chubbuck và ông đã cưới bà vào ngày 2 tháng 6 năm 1846. Bà được 29 tuổi; còn ông được 57 tuổi. Bà là một nhà văn nổi tiếng đã từ bỏ danh tiếng và sự nghiệp viết lách của mình để cùng với Judson đến Burma. Họ đặt chân đến nơi vào tháng 11 năm 1846. Đức Chúa Trời đã ban cho họ bốn năm hạnh phúc mà cả hai người đã cùng trải qua.

Trong lần kỷ niệm đầu tiên, ngày 2 tháng 6 năm 1847, bà viết rằng:

Đây là năm hạnh phúc nhất của cuộc đời tôi; những gì còn đọng lại trong mắt tôi lại quan trọng hơn, chồng của tôi nói rằng đó là một năm hạnh phúc nhất mà ông từng có...tôi chưa gặp một người đàn ông nào có tài ăn nói như ông, mỗi ngày

*là một đấng tài, nào là tôn giáo, văn học, khoa học, chính trị và ngay cả bấp bệ như con nít”.*²⁰

Họ có một đứa con, nhưng một bệnh cũ tái phát đã tấn công Adoniram một lần nữa. Hy vọng duy nhất là phải đưa Judson đang bệnh nặng vượt biển trở về. Vào ngày 3 tháng 4 năm 1850, họ đã đưa Adoniram trên chiếc thuyền *Aristide Marie* đến một đảo Isle nhỏ của nước Pháp cùng với người bạn là Thomas Ranney để chăm sóc cho ông. Trong lúc bệnh, ông đã phải tỉnh dậy hết lần nầy đến lần khác vì cơn đau để rồi kết thúc sau khi nôn mửa mọi thứ. Một trong những câu cuối cùng của ông nói rằng: “Quá ít người chết vì chịu khổ!”²¹

Vào lúc 4 giờ 15 phút chiều thứ Sáu ngày 12 tháng 4 năm 1850, Adoniram Judson đã qua đời khi vượt biển, không có gia đình và hội thánh người Burmese bên cạnh ông. Buổi tối đó con thuyền nhỏ neo.

*Thuyền thủ trên thuyền im lặng nhóm nhau lại. Mạn trái thuyền được mở ra. Không một lời cầu nguyện... Thuyền trưởng ra lệnh. Chiếc quan tài trượt ra từ mạn trái đi vào màn đêm. Vị trí lúc đó là 13 độ vĩ Bắc, 93 độ kinh Đông, gần phía đông hòn đảo Andaman, và chỉ có cách vài trăm dặm về phía tây của những dãy núi thuộc đất nước Burma. Chiếc thuyền Aristide Marie nhỏ neo hướng về Isle của nước Pháp.*²²

Mười ngày sau Emily sanh đứa con thứ hai nhưng bị

chết ngay lúc sanh. Bà biết được tin chồng qua đời bốn tháng sau đó. Bà trở lại nước Anh vào tháng Một và qua đời vì bệnh lao ba năm sau ở tuổi 37.

Kinh Thánh đã được hoàn tất. Từ điển đã được hoàn thành. Hàng trăm người được cải đạo đang lãnh đạo hội thánh. Ngày nay, có đến 3,700 hội chúng Báp-tít ở Myanmar là kết quả của sự tận tụy trong tình yêu thương của người đàn ông này.

-
1. Erroll Hulse, *Adoniram Judson và Tiếng gọi Giáo sĩ* (Leeds: Reformation Today Trust, 1996), 48. “Khi chúng ta nhắc đến giáo lý ân điển, chúng ta thấy ông tin điều này cách hoàn toàn hơn là cách giải kinh rõ ràng nào đó”.
 2. Thomas J. Nettles, *Bồi Ân điển của Ngài và vì vinh hiển của Chúa* (Grand Rapids: Baker, 1986), 148–154.
 3. Được trích từ *Những gã khổng lồ trên hành trình giáo sĩ* (Chicago: Scripture Press Foundation, 1954), 73.
 4. Anderson, *Đến bờ biển vàng*, 193.
 5. *Ibid.*, 240.
 6. *Ibid.*, 14.
 7. *Ibid.*, 41.
 8. *Ibid.*, 42.
 9. *Ibid.*, 44. Gốc tích của câu chuyện này được thuật lại bằng miệng từ các thành viên trong gia đình ghi âm lại ở Francis Wayland, Một Hồi ký về Đời sống và Sự nghiệp của Mục sư Adoniram Judson, D.D. Tập 1 (Boston: Phillips, Sampson, và Co. 1854), 24–25.
 10. Anderson, *Đến bờ biển vàng*, 45.
 11. *Ibid.*, 83.
 12. *Ibid.*, 84.
 13. Trong lúc đó, Judson đã giương buồm đến nước Anh để kêu gọi hỗ trợ từ Hiệp hội Giáo sĩ Luân-đôn. Bởi vì cuộc chiến giữa Anh và Pháp nên ông bị bắt ở trên biển và bị bỏ tù ở Pháp. Nhưng lại một lần nữa, ơn thần hựu của Đức Chúa Trời vẫn cai trị và lời kêu nài với giọng điệu của một người Mỹ đã được nghe thấy trong một lần

các tù nhân đi hành quân, ông được một người đàn ông đến từ Philadelphia chuộc ra. Ông luôn thấy rằng đó là thời điểm đã được trù bị sẵn cho sự chịu khổ của một giáo sĩ.

14. Luther Rice, Gordon Hall, Samuel và Harriet Newell, Samuel và Roxana Nott.
15. Anderson, *Đến bờ biển vàng*, 398–399.
16. *Ibid.*, 334.
17. *Ibid.*, 387.
18. *Ibid.*, 388.
19. *Ibid.*, 391.
20. *Ibid.*, 481.
21. *Ibid.*, 504.
22. *Ibid.*, 505.

CHƯƠNG 5

TÔI NÀI XIN BẠN HÃY DỰ PHẦN VỚI NHỮNG GÌ JUDSON VÀ ĐẮNG CHRIST ĐÃ CHỊU CHẾT THAY CHO

Cuộc sống chóng qua. Không còn lâu nữa, chúng ta sẽ phải đứng ứng hầu trước mặt Chúa Jêsus Christ, không chỉ để chứng tỏ khả năng chần bầy thành công của chúng ta, nhưng để biết chúng ta đã vâng lời như thế nào với công tác môn đồ hoá muôn dân.

Vẫn còn rất nhiều nhóm dân tộc trong thế gian chưa hề có một phong trào Cơ Đốc nội địa diễn ra ngày hôm nay. Đấng Christ không được tôn cao ở những nơi đó, người ta chưa biết đến ân điển của Ngài, và con người đang hư mất mà không biết về phúc âm. Những nơi đó hầu như là các nhóm dân tộc sống trong tuyệt vọng lại không muốn bạn đến với họ. Ít ra, họ chỉ nghĩ họ không muốn mà thôi. Đó là những nơi thù nghịch với các cuộc truyền giáo Cơ Đốc. Ngày nay, đó là những đường biên giới cuối cùng. Chúa của chúng ta vẫn phán rằng:

“Kìa, ta sai các người đi khác nào như chiên vào giữa bầy muông sói... họ sẽ làm cho nhiều người trong các người phải chết. Các người sẽ vì cơ danh ta bị mọi người ghen ghét. Nhưng một sợi tóc trên đầu các người cũng không mất đâu” (Ma-thi-ơ 10:16; Lu-ca 21:16-18).

Bạn có chắc Đức Chúa Trời muốn bạn tiếp tục cuộc sống ở một nơi chỉ đơn thuần đi đến nhà thờ không? Hay Ngài đang kêu gọi bạn chịu hết những điều còn lại trong sự thương khó của Đấng Christ, để là hạt giống lúa mì rơi xuống ở một nơi xa xôi nào đó và chết đi, ghét chính sự sống mình trong đời này và kết nhiều quả trong cõi đời đời chăng?

Judson đã viết cho những người muốn làm giáo sĩ vào năm 1832 như sau:

Hãy nhớ, số người chết trong vòng năm năm đầu tiên sau khi rời khỏi quê hương của họ để bước vào công cuộc truyền giáo ở phương Đông có tỷ lệ rất cao. Cho nên, hãy bước đi cách cẩn thận; vì cái chết đang dõi theo từng bước của anh em.¹

Câu hỏi dành cho chúng ta không phải là chúng ta sẽ chết hay sao, nhưng liệu chúng ta có chết để kết quả nhiều hơn không.

1. Adoniram Judson, “Lời khuyên cho các ai muốn trở thành giáo sĩ”, Maulmain, 25 tháng 6 năm 1832, <http://www.wholesomewords.org/missions/bjudson4.html>

TÁC GIẢ



John Piper là người sáng lập và giáo sư của Desiring God, ông cũng là hiệu trưởng danh dự của Trường Cao đẳng & Chủng viện Bethlehem. Ông đã phục vụ 33 năm với tư cách là mục sư quản nhiệm tại Hội thánh Báp-tít Bethlehem ở thành phố Minneapolis, thuộc tiểu bang Minnesota. Ông là tác giả của hơn 50 tựa sách, các quyển đã được chuyển ngữ sang tiếng Việt gồm: Đừng lãng phí cuộc đời, Vi-rút Corona và Đấng Christ, Nhìn thấy và Say mê Jêsus Christ.

MỤC VỤ TIỀN PHONG

Mục vụ Tiên Phong “chuyển ngữ và xuất bản tài liệu Cơ Đốc để rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời vì sự vui mừng của người Việt, đặc biệt là qua sự chịu khổ, trong Đức Chúa Jêsus Christ”.

Tài liệu Cơ Đốc này không thể thay thế Lời Chúa và những tài liệu của Hội thánh mà quý con cái Chúa đang nhóm lại hàng tuần. Chúng tôi chỉ mong con cái Chúa sử dụng các tài liệu này để bày tỏ Phúc Âm của Đức Chúa Jêsus Christ cho gia đình, người thân, bạn bè và cộng đồng xung quanh.

Nếu bạn muốn biết làm thế nào để dâng hiến, hỗ trợ và nhận tin tức về các tựa sách khác mà Mục vụ Tiên Phong đang chuyển ngữ, xin hãy liên hệ chúng tôi bằng thư điện tử info@tienphong.org hoặc bạn có thể tìm đến trang điện tử www.tienphong.org để tải về và đọc các tài liệu miễn phí.

Chúng tôi chân thành biết ơn các anh chị em con cái Chúa đã tin tưởng hỗ trợ các dự án tài liệu Cơ Đốc cho người Việt của Mục vụ Tiên Phong.

Xin Chúa dẫn dắt,
Mục vụ Tiên Phong



Hãy sống sáng mà xem xét vai trò của chúng ta trong việc hoàn thành Đại Mạng Lệnh.

Đó là lời nài xin chủ yếu của John Piper khi ông đưa ra một sứ điệp nói về tiểu sử của Adoniram Judson vào năm 2003.

Judson là giáo sĩ hải ngoại đầu tiên của nước Mỹ và là tấm gương điển hình của một người đã tự tra xét và thi hành chính vai trò chiến lược của mình trong việc hoàn thành Đại Mạng Lệnh.

Mặc dù đã được cảnh báo trước về việc đi đến Burma, nhưng ông đã dấn thân vào quốc gia này cách đây gần 200 năm trước — vào tháng 7 năm 1813 — rồi đầu tư hơn 38 năm cuộc đời mình để rao giảng Đấng Christ ở những nơi chưa biết đến Danh của Ngài. Giá trả là rất đắt. Nhưng ở trong sự tể trị toàn hảo của Đức Chúa Trời, sự chịu khổ của ông có một mục đích rất rõ rệt. Khi Piper giải thích: “Tôi được thuyết phục bởi Kinh Thánh và từ công tác truyền giáo trong lịch sử rằng ý định của Đức Chúa Trời đối với công tác truyền giáo thế giới và sự hoàn thành ý định của Ngài phải bao gồm sự chịu khổ của những người hầu việc và các giáo sĩ của Ngài”.

Vốn dĩ là tài liệu để giúp đỡ các mục sư, tiểu sử về Judson giờ đây đã có định dạng sách điện tử để giúp chúng ta đưa ra câu hỏi thách thức tương tự: “Đức Chúa Trời có kêu gọi chúng ta chịu hết những gì còn lại trong sự chịu khổ của Đấng Christ, để hạt giống lúa mì rơi xuống đất và chết đi, để từ bỏ chính mạng sống mình trong thế gian, để được sống đến đời đời và kết quả thật nhiều chăng?”



John Piper là giáo sư và người sáng lập mục vụ Desiring God, ông cũng là hiệu trưởng của trường Cao đẳng và Viện Bethlehem. Ông đã từng là mục sư của Hội thánh Báp-tít Bethlehem trong 33 năm, ở thành phố Minneapolis, ông cũng là tác giả của hơn 50 tựa sách, trong đó có *“Nhìn thấy và say mê Jê-sus Christ”*, *“Vi-rút Corona và Đấng Christ”*, *“Đừng lãng phí cuộc đời”* đã được chuyển ngữ sang tiếng Việt.

